

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA
TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHẾ TẠO HẢI PHÒNG

Bản thông tin này là tài liệu bổ sung, được cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

24 Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3 842.335 Fax: (0225) 3 746.266

Email: <https://haseco.vn>

Hoặc:

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP – CTCP

Số 7A Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

Điện thoại 024 3 8252498

Hải Phòng, tháng 04 năm 2019

Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHẾ TẠO HẢI PHÒNG

(Giấy phép ĐKKD số 0203000684 cấp lần đầu ngày 09/01/2004, và đăng ký lần 2 số 0200575848 do Sở KHĐT Thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/03/2017)

- Tên giao dịch quốc tế: HAIPHONG MACHINERY MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY.

- Tên công ty viết tắt: CKHP

- Trụ sở chính tại: Km 89, quốc lộ 5 mới, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Tp Hải Phòng.

- Website: www.Cokhichetaohaiphong.com

- Logo công ty:



Căn cứ Công văn số 3475/BCT - CN ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Công Thương về việc thoái vốn của Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (MIE) đầu tư tại Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng.

Tên cổ phiếu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHẾ TẠO HẢI PHÒNG**

Mệnh giá: **10.000 đồng**

Tổng số lượng cổ phiếu thực hiện chuyển nhượng: **103.769 cổ phần.**

Tổng giá trị chuyển nhượng (theo mệnh giá): 1.037.690.000 đồng.

Giá bán khởi điểm: **43.500 đồng/cp**

Tổng giá trị chuyển nhượng (theo thị giá): **4.513.951.500 đồng**

Phương thức chuyển nhượng vốn: **Đấu giá công khai**

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

24 Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3 842.335 Fax: (0225) 3 746.266

Email: <https://haseco.vn>

MỤC LỤC

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	1
II. CÁC KHÁI NIỆM:.....	1
III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG.....	2
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ CHẾ TẠO HẢI PHÒNG.	6
V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.	11
VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	12
VII. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.	12
VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG.....	13

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100101379 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/08/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/05/2017).

Số 7A Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84).(24).38 252 498; Fax: (84).(24).38 261 129

Website: <http://mie.com.vn>

Đại diện pháp luật: **Bà Trần Thị Thu Trang**, Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**.

(Theo giấy Ủy quyền số: 21/UQ-MIE-TCNS ngày 12 tháng 04 năm 2019)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

24 Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3 842.335 Fax: (0225) 3 746.266

Website: <https://haseco.vn>

Người đại diện: Bà **Nguyễn Thị Nguyệt**, Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**.

(Theo Giấy ủy quyền số : 164/GUQ-CKHP ngày 16/11/2016)

Bản Công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký thoái vốn do Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng đã ký kết với Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (MIE) về tư vấn lập và thực hiện thoái vốn MIE đầu tư tại công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM:

Trong Bản Công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“Tổng công ty”: Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP.

“**Cổ phần**”: là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

“**Cổ phiếu**”: là chứng chỉ do Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng phát hành.

“**Cổ đông**”: là tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng.

“**Cổ tức**”: là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng để trả cho các cổ đông.

“**HAC**”: là tên viết tắt của Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng.

“**HĐQT**”: Hội đồng quản trị.

“**ĐKKD**”: Đăng ký kinh doanh.

“**CMT**”: Chứng minh thư.

“**CTCP**”: Công ty cổ phần.

“**CNLĐ**”: Công nhân lao động.

“**SXKD**”: Sản xuất kinh doanh.

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG

1. Giới thiệu chung:

Một số thông tin chính về Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Machines and Industrial Equipment Corporation

- Tên viết tắt: MIE

- Vốn điều lệ: 1.419.915.000.000 đồng (bằng chữ: Một nghìn bốn trăm mười chín tỷ chín trăm mười lăm triệu đồng.)

- Trụ sở chính: Số 7A, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: (84).(24).38 252 498; Fax: (84).(24).38 261 129

- Email: info@mie.com.vn

- Website: <http://mie.com.vn>

- Mã số doanh nghiệp (mã số thuế): 0100101379

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp (MIE) được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và được thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ-TCCB ngày 25/10/1995 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Trong giai đoạn này, Tổng công ty gồm có 11 đơn vị thành viên, nhiệm vụ chính là thực hiện sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu trực tiếp các loại máy, thiết bị công nghiệp lẻ, thiết bị toàn bộ, các loại phụ tùng sửa chữa, các loại công cụ, dụng cụ cho các ngành kinh tế, sản phẩm chủ yếu là máy công cụ, dụng cụ công nghiệp, dụng cụ y tế, bơm công nghiệp và bơm dân dụng, đá mài công nghiệp, hạt mài, sản phẩm quy chế... chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa.

Tổng công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Trong đó, Công ty mẹ - Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp là Công ty TNHH một thành viên hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giai đoạn 1995-2010, cơ cấu sản phẩm của Tổng công ty có sự chuyển biến mạnh mẽ, bên cạnh những mặt hàng truyền thống, sản phẩm của Tổng công ty còn có thiết bị toàn bộ cho ngành rượu bia, nước giải khát, mía đường, xi măng ... (dự án Nhà máy Bì Quảng Nam; dự án xi măng lò quay cho Công ty X77-Tổng công ty Thành An; dự án nhà máy Cồn Xuân Lộc. Đặc biệt, Tổng công ty đã chế tạo và cung cấp hàng chục ngàn tấn thiết bị cơ khí thủy công cho các công trình thủy điện như: thủy điện Pleikrong; A Vương, Buôn Kuốp, Bản Vẽ, An Khê - KaNak... sản phẩm bước đầu đã được khách hàng nước ngoài quan tâm, đặt hàng.

Thực hiện Quyết định số 4873/QĐ-BCT ngày 30/5/2014 của Bộ Công Thương về việc cổ phần hóa đồng thời Công ty mẹ - Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp cùng 04 đơn vị thành viên 100% vốn nhà nước của Tổng công ty, Tổng công ty đã triển khai thực hiện công tác cổ phần hóa, ngày 11/3/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 395/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Tổng công ty thực hiện cổ phần hóa theo lộ trình.

Đến ngày 21/11/2016 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã tổ chức phiên bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của MIE. Ngày 16/01/2017, MIE đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thành lập công ty cổ phần.

Ngày 20/01/2017, Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần cho MIE, MIE chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Trong giai đoạn từ 2010-2016, định hướng phát triển của Tổng công ty tập trung chủ yếu về chế tạo và cung cấp, lắp đặt thiết bị toàn bộ cho các nhà máy thủy điện như: Thủy điện Sơn La, Lai Châu, Pá Chiến, Bắc Mê...những năm gần đây, nhiệt điện cũng là lĩnh vực mà Tổng công ty quan tâm và định hướng phát triển các năm tiếp theo.

Năm 2017, sau khi chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Tổng công ty hiện có: Công ty mẹ (gồm khối văn phòng cơ quan Tổng công ty và 03 đơn vị hạch toán phụ thuộc) và các đơn vị thành viên với tổng số cán bộ công nhân viên lao động là khoảng 2.200 người:

- 06 công ty con, gồm:
 - 04 đơn vị là công ty TNHH một thành viên do MIE đầu tư 100% vốn điều lệ:
 1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội;
 2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung;
 3. Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu sản phẩm cơ khí;
 4. Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và kỹ thuật;
 - Công ty cổ phần do MIE đầu tư >50% vốn điều lệ:
 1. Công ty cổ phần Dụng cụ số 1;
 2. Công ty cổ phần Cơ khí Duyên Hải;
 - 04 đơn vị là công ty liên kết mà Tổng công ty có vốn góp <50% vốn điều lệ:
 1. Công ty cổ phần Đá mài Hải Dương;
 2. Công ty cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng;
 3. Công ty cổ phần Xi măng Đồng Bành;
 4. Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn-Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là:

- Sản xuất chế tạo các sản phẩm cơ khí, dây chuyền thiết bị toàn bộ, xây dựng, lắp đặt các công trình công nghiệp và kinh doanh thương mại;
- Sản xuất thiết bị đo lường kiểm tra;
- Đúc sắt, thép, kim loại màu;
- Sản xuất mô tơ, máy phát điện, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Khai thác quặng kim loại, đá, cát sỏi, đất sét;
- Xử lý ô nhiễm, nước thải;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- Sản xuất kinh doanh thiết bị và dụng cụ y tế;
- Sản xuất, sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, trong hoạt động của mình, Tổng công ty luôn phấn đấu đạt mức tăng trưởng ổn định qua các năm, hoàn thành nhiệm vụ chính trị và kinh tế được cấp trên giao, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước,

bảo toàn và phát triển vốn, sử dụng vốn hiệu quả, công việc và đời sống của CBCNV ổn định và ngày càng được nâng cao.

Với những thành tích đã đạt được trong hơn 27 năm qua, MIE đã vinh dự được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng thưởng huân chương lao động hạng Ba; huân chương lao động hạng nhì... và nhiều giải thưởng khác của Bộ Công Thương, luôn là Đảng bộ trong sạch vững mạnh, Công đoàn xuất sắc.

3. Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP.

Danh sách cổ đông chốt tại ngày 01/10/2018.

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông là tổ chức	2	141.404.680	99,59
1	Trong nước	2	141.404.680	99,59
2	Nước ngoài	0	0	0,00
II	Cổ đông cá nhân	381	586.820	0,4133
1	Trong nước	380	585.820	0,4126
2	Nước ngoài	1	1000	0,0007
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00
	Tổng	383	141.991.500	100,00

Nguồn: Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

Ngày 15/12/2017, Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP bắt đầu giao dịch tập trung trên sàn Upcom với mã chứng khoán MIE và chưa có giao dịch cho đến hiện nay.

4. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng

Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP là cổ đông nắm giữ 103.769 cổ phần chiếm 10% tổng số cổ phần của Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu chuyển nhượng/tổng số cổ phiếu đã phát hành theo vốn thực góp trong tổng vốn điều lệ.

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng
- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.037.626 cổ phiếu
- Cổ đông chuyển nhượng vốn: Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng: 103.769 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu chuyển nhượng/ tổng số cổ phiếu đã phát hành: 10%
- Tỷ lệ cổ phiếu chuyển nhượng/cổ phiếu đang sở hữu: 100%

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ CHẾ TẠO HẢI PHÒNG.

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

- Doanh nghiệp được thành lập ngày 10/09/1959, có tên là Xí nghiệp Công tư hợp doanh Cơ khí Kiến thiết Hải Phòng

- Năm 1983 đổi tên thành Nhà máy Cơ khí chế tạo Hải Phòng, trực thuộc UBND Thành phố Hải Phòng.

- Năm 1997, Nhà máy chuyển về trực thuộc Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp theo Quyết định số 192/QĐ-TCCB ngày 07 tháng 8 năm 1997 của Bộ công nghiệp.

- Tháng 1/2004, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 188/2003/QĐ-BCN ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Bộ công nghiệp, với tên gọi Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng, Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ, bán cho CNLD nắm giữ 49% vốn điều lệ, tổng vốn điều lệ thời điểm này là 7.872.700.000 đồng.

- Tháng 5/2006 Công ty bán tiếp 41% vốn nhà nước cho CNLD và người ngoài Công ty, Nhà nước còn giữ 10% vốn điều lệ.

- Tháng 6/2008 tăng vốn điều lệ lên 10.376.260.000 đồng từ nguồn vốn phát triển SXKD của Công ty theo phương thức thưởng cổ phần cho các cổ đông hiện hữu.

- Tháng 01/2017 chính thức giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán: CKH

*** Một số thông tin cơ bản về công ty**

- Tên gọi: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHẾ TẠO HẢI PHÒNG

- Tên giao dịch quốc tế: HAIPHONG MACHINERY MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY.

- Tên công ty viết tắt: CKHP

- Trụ sở chính tại: Km 89, Quốc lộ 5 mới, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

- Website: www.Cokhichetaohaiphong.com

- Logo công ty:



- Vốn điều lệ đăng ký: 10.376.260.000 đồng (Mười tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Vốn điều lệ thực góp: 10.376.260.000 đồng.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Tùng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Giấy phép ĐKKD số 0203000684 cấp lần đầu ngày 09/01/2004, và đăng ký lần 2 số 0200575848 do Sở KHĐT Thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/03/2017.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại...

- Địa bàn kinh doanh: trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

- Đối tác của Công ty: Các hãng nước ngoài (như Thái Lan, Đài Loan, Hoa Kỳ).

***Quá trình tăng vốn:**

Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1/2004		7.872.700.000	Đăng ký lần đầu	GCN ĐKKD lần đầu số: 0203000684 cấp ngày 09/01/2004
6/2008	2.503.560.000	10.376.260.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	GCN ĐKKD thay đổi lần 1 số 0203000684 cấp ngày 26/06/2008; Biên bản họp HĐQT nhiệm kỳ II lần 9 ngày 26/02/2008

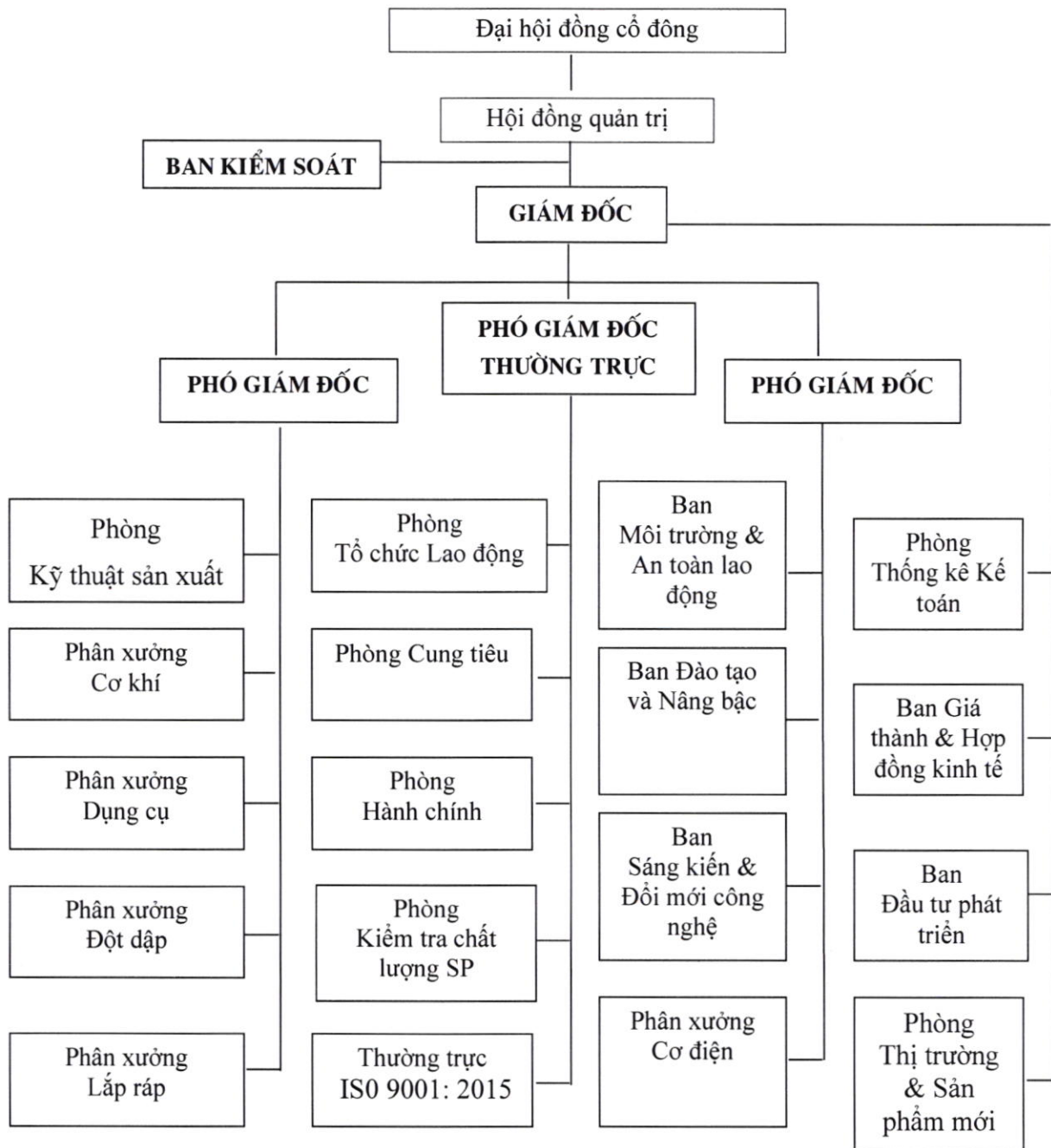
2. Cơ cấu tổ chức Công ty

2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty:

Là công ty cổ phần, cùng với việc tuân thủ các quy định về luật pháp của nhà nước và thực hiện nghiêm túc các điều khoản trong Điều lệ Công ty, Công ty kiện toàn bộ máy quản trị gọn nhẹ và toàn diện để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Theo đó Công ty cổ phần cơ khí Chế tạo Hải Phòng xây dựng bộ máy quản trị và điều hành như sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Giám đốc
- Kế toán trưởng
- Các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ.

Sơ đồ tổ chức Công ty



2.2 Chức năng nhiệm vụ chính của từng bộ phận, phòng ban:

- a. Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty cổ phần.
- b. Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- c. Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- d. Giám đốc: Trực tiếp điều hành các hoạt động của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- e. Các Phó giám đốc: Giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm theo sự phân công nhiệm vụ của Giám đốc.
- f. Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban:
 - + Phòng Kỹ thuật Sản xuất: Vẽ và nghiên cứu các sản phẩm sản xuất.
 - + Phòng Tổ chức Lao động: Tổ chức chế độ tiền lương và các chính sách cho người lao động.
 - + Phòng Thống kê Kế toán: Quản lý, giám sát toàn bộ các hoạt động về tài chính, kế toán, thống kê của Công ty.
 - + Phòng Cung tiêu: Mua và cấp vật tư cho các bộ phận.
 - + Phòng Hành chính: Giải quyết các công việc hành chính cơ quan, quản lý con dấu, văn thư.
 - + Phòng Kiểm tra Chất lượng sản phẩm: Kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi nhập kho.
 - + Phòng Thị trường & Sản phẩm mới: Tiếp thị bán hàng.
 - + Phân xưởng Cơ khí: Sản xuất các chi tiết sản phẩm.
 - + Phân xưởng Dụng cụ: Sản xuất các chi tiết máy công cụ.
 - + Phân xưởng Đột dập: Chuyên dập các chi tiết Honda Việt Nam
 - + Phân xưởng Lắp ráp: Chuyên lắp ráp máy công cụ.
 - + Phân xưởng Cơ điện: Lắp ráp, sửa chữa các máy công cụ.
 - + Ban Môi trường & An toàn lao động: Kiểm tra về an toàn lao động và môi trường của công ty.
 - + Ban Đào tạo & Nâng bậc: Chuyên đào tạo tay nghề cho Công nhân.
 - + Ban Giá thành & Hợp đồng kinh tế: Nhận các hợp đồng kinh tế & Giao dịch khách hàng.
 - + Ban Sáng kiến & Đổi mới công nghệ: Nghiên cứu đổi mới công nghệ.
 - + Ban Đầu tư phát triển: Nghiên cứu đầu tư phát triển sản xuất.
 - + Thường trực ISO 9001:2015: Kiểm tra IS 9001:2015 các phòng ban và phân xưởng.

3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất:

Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017, 2018 như sau:

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm (*)
Tổng giá trị tài sản	48,738,155,307	48,009,943,533	(0.0)
Doanh thu thuần	45,247,485,051	40,576,142,227	-10.32%
Lợi nhuận từ HĐKD	(21,825,398)	(141,078,330)	546.40%
Lợi nhuận khác	36,200,391,957	178,593,864	-99.51%
Lợi nhuận trước thuế	36,200,391,957	37,515,534	-99.90%
Lợi nhuận sau thuế	28,960,313,566	29,003,927	-99.90%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	10%	10%	

(Nguồn: BCTC năm 2017; 2018 đã kiểm toán của Công ty CP Cơ khí chế tạo Hải Phòng)

5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm	Năm
		2017	2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,25	4.04
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,51	1.31
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,11	0.12
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,32	0.14
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DT thuần	%	0,64	0.00
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,80	0.00
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,59	0.00
Hệ số Lợi nhuận từ HĐ KD/ Doanh thu thuần	%	(0,00)	(0.00)
Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần		2,79	0.00
Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần		0,04	35.78

5. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
Doanh thu thuần	40,576,142,227	30,000,000,000
Lợi nhuận	29,003,927	30,000,000
Tỷ lệ lợi nhuận/ Doanh thu thuần	0.07%	0.1%
Tỷ lệ lợi nhuận / Vốn chủ sở hữu	0.28%	0.29%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	10%	10%

Căn cứ để xây dựng kế hoạch:

Công ty đang thực hiện ổn định các Hợp đồng cho các đối tác để sản xuất gia công các chi tiết công cụ, phụ tùng như:

- Công ty Honda Việt Nam: Sản xuất phụ tùng xe máy
- Công ty TNHH Công Nghiệp Chính xác Việt Nam: Sản xuất phụ tùng xe máy
- Công ty TNHH ARai Việt Nam: Sản xuất phụ tùng xe máy
- Công ty TAAG Machinery Co: Sản xuất máy công cụ TK xuất khẩu Mỹ
- Công ty CP Phụ tùng máy số 1: Sản xuất đĩa xích, bánh răng.

6. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng:

- Không có

7. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty:

Từ khi hoạt động đến nay, công ty chưa có bất kỳ một tranh chấp kiện tụng nào liên quan.

V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.

1. Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
2. Mệnh giá: 10.000 đồng.
3. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng: 103.769 cổ phiếu. (chiếm tỷ lệ 10% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).
4. Giá khởi điểm đầu giá: 43.500 đồng/cp
5. Phương pháp tính giá:
 - Căn cứ Công văn số 3475/BCT-CN ngày 04/05/2018 của Bộ Công Thương về việc thoái vốn Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (MIE) đầu tư tại Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng; Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 1201/2018/TC-AC ngày 04/12/2018 của Công ty TNHH Tư Vấn và Kiểm toán Quốc tế.
6. Đối tượng mua cổ phần : Nhà đầu tư có tiềm lực tài chính, có nhu cầu gắn bó lợi ích với công ty
7. Số mức giá đặt mua : 01 (một) mức giá
8. Khoảng cách giữa các bước giá: 100 đồng

9. Khối lượng đặt mua tối thiểu/ tối đa: 10CP /103.769CP

10. Phương thức chuyển nhượng vốn: Đấu giá công khai tại Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng.

11. Tổ chức đấu giá: Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng.

12. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn: Trong quý 2 năm 2019.

13. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến: Được quy định cụ thể tại quy chế đấu giá.

14. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

- Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài tại Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng đến ngày 30/06/2018 là 0%. Các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng không quy định rõ tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, tổng số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua là: 103.769 cổ phần.

15. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

- Toàn bộ số lượng 103.769 cổ phần tại Công ty CP Cơ khí chế tạo Hải Phòng do Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP sở hữu đều là cổ phiếu phổ thông, được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty

16. Các loại thuế liên quan: tổ chức chuyển nhượng vốn nộp thuế thu nhập từ chuyển nhượng vốn theo đúng quy định hiện hành. Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán nộp thuế thu nhập cá nhân theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần theo quy định tại điều 16 thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài Chính.

17. Các thông tin khác theo quy định.

VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.

Cơ cấu lại danh mục đầu tư của Tổng công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP

VII. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.

1. Tổ chức định giá:

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Trụ sở chính : Tầng 6, Số 136 Đường Hoàng Quốc Việt, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Tp Hà Nội

Số Điện thoại: (84-4) 3 748 1578 - Fax: (84-4) 3 748 1579

2. Tổ chức tư vấn Lập và tổ chức thực hiện thoái vốn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Trụ sở chính : 24 Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3 842.332 Fax: (0225) 3 746.266

Email: <https://haseco.vn>

VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG.

Các thông tin tài chính của Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng trong Bản Công bố thông tin này được trích từ Báo cáo tài chính năm 2017, 2018 được kiểm toán. Các thông tin liên quan đến Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng được cung cấp bởi những cá nhân có đầy đủ thẩm quyền của Công ty.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THOẢI VỐN
TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP



Trần Thị Thu Trang

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC THOẢI VỐN
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHẾ TẠO HẢI PHÒNG



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

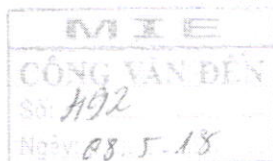


PHỤ LỤC

1. Công văn số 3475/BTC - CN ngày 04 tháng 05 năm 2018 của Bộ Công Thương về việc thoái vốn Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (MIE) đầu tư tại Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng.
2. Tài liệu chứng minh tổ chức thực hiện thoái vốn là chủ sở hữu hợp pháp số cổ phần đăng ký bán, và số cổ phần này được phép tự do chuyển nhượng.
3. Báo cáo tài chính năm 2017, 2018 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng.

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: 3475 /BCT-CN****Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2018**

V/v thoái vốn của Tổng công ty
Máy và Thiết bị công nghiệp -
CTCP (MIE) đầu tư tại Công ty
cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải
Phòng



Kính gửi: Bộ phận đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty
Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

Trả lời Công văn số 289/CV-MIE-HĐQT ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (MIE) về việc thoái vốn của MIE đầu tư tại Công ty cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

1. Bộ Công Thương đồng ý với đề nghị của MIE về việc thoái hết vốn của MIE đầu tư tại Công ty cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng.
2. Việc thoái vốn của MIE tại Công ty cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng phải thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật, bảo đảm nguyên tắc thị trường, công khai minh bạch và mang lại lợi ích cao nhất cho Nhà nước.

Bộ Công Thương thông báo đề Bộ phận đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (MIE) biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Tuấn Anh (để báo cáo);
- Các Vụ: TC, TCCB, KH;
- Lưu: VT, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Đỗ Thắng Hải**

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2019

Số: **310** /QĐ-MIE-HĐQT

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt giá khởi điểm và Phương án thoái vốn
tại Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động ngày 16/01/2017 và sửa đổi, bổ sung Điều lệ ngày 27/4/2018 của Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (MIE);

Căn cứ Công văn số 3475/BCT-CN ngày 04/5/2018 của Bộ Công Thương về việc đồng ý thoái hết phần vốn của MIE tại Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 2627/BCT-CN ngày 16/4/2019 của Bộ Công Thương về việc thoái vốn của MIE tại Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng;

Căn cứ Tờ trình số 1409/TTr-MIE-TCNS ngày 28/12/2018 của Tổng giám đốc Tổng công ty về Phê duyệt giá khởi điểm và Phương án thoái vốn của MIE tại Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-MIE-HĐQT ngày 17/4/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP về nội dung thông qua giá khởi điểm và Phương án thoái vốn của MIE tại Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm và Phương án thoái vốn của Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP tại Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng, cụ thể như sau:

- **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng
- **Tổng khối lượng chào bán:** 103.769 cổ phần (*Bằng chữ: Một trăm linh ba nghìn bảy trăm sáu mươi chín cổ phần*)
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần.
- **Giá chào bán khởi điểm:** 43.500 đồng/cổ phần (*Bằng chữ: Bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng*)
- **Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá):** 1.037.690.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, ba mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng*)
- **Hình thức chào bán:** Đấu giá công khai tại Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng.
- **Đối tượng:** Các nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia mua theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán

- Thời gian thực hiện đấu giá: Quý II/2019.

Điều 2. Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc Tổng công ty chỉ đạo các Phòng, Ban chức năng của Tổng công ty và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng thực hiện việc bán cổ phần theo trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật.

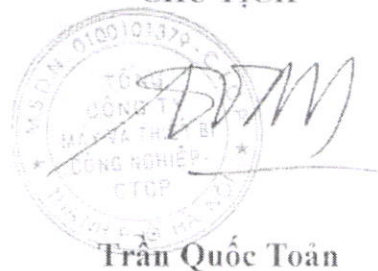
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổng giám đốc, Trưởng các Phòng, Ban, đơn vị liên quan, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TGD, BKS TCTy;
- Ban TCKT, Ban KTKHKT TCTy;
- Cty CP Cơ khí chế tạo Hải Phòng;
- Lưu VT, TCNS (10b).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn

CỔ PHIẾU VÔ DANH

Số: 758 CKHP

Loại: CKHP-1 cổ phiếu 778.270.000 đồng

(Bảy trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHẾ TẠO HẢI PHÒNG

Trụ sở: 150 TÔ HIỆU - LÊ CHÂN - HẢI PHÒNG

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0203000684 cấp ngày 09 tháng 01 năm 2004

Giá trị 1 cổ phần: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

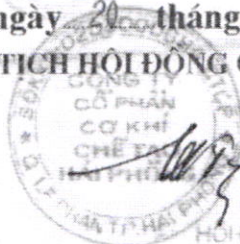
Giấy này chứng nhận người nắm giữ cổ phiếu này sở hữu

Bảy mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi bảy cổ phần của Công ty.

DẤU CỦA CÔNG TY

Phát hành ngày 20 tháng 1 năm 2008

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Lê Thanh Bình

CỔ PHIẾU VÔ DANH

Số: 204 CKHP

Loại: CKHP-Th cổ phiếu 259.420.000 đồng

(Hai trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHẾ TẠO HẢI PHÒNG

Trụ sở: 150 TÔ HIỆU - LÊ CHÂN - HẢI PHÒNG

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0203000684 cấp ngày 09 tháng 01 năm 2004

Giá trị 1 cổ phần: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

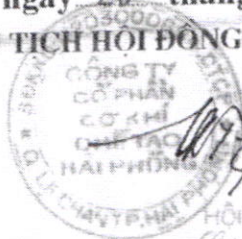
Giấy này chứng nhận người nắm giữ cổ phiếu này sở hữu

Hai mươi năm nghìn chín trăm bốn mươi hai cổ phần của Công ty.

DẤU CỦA CÔNG TY

Phát hành ngày 20 tháng 1 năm 2008

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Lê Thanh Bình

Số: 21 /UQ-MIE-TCNS

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

GIẤY ỦY QUYỀN

Người ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc Hải

Chức vụ: Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (MIE)

Chứng minh nhân dân số: 024072000005 Ngày cấp: 22/4/2013

Cơ quan cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Người được ủy quyền: Bà Trần Thị Thu Trang

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

Chứng minh nhân dân số: 022174000007 Ngày cấp: 13/8/2013

Cơ quan cấp: Cục Cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nội dung ủy quyền:

Người được ủy quyền thay mặt Người ủy quyền phối hợp với Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng, Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng thực hiện các công việc liên quan đến việc thoái vốn của MIE tại Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng.

Thời hạn ủy quyền: Giấy Ủy quyền này có thời hạn từ ngày 11/4/2019 cho đến khi hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng.

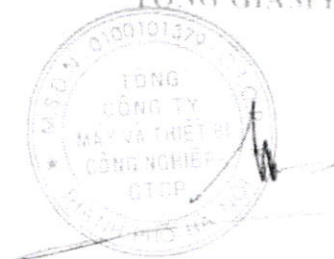
Giấy Ủy quyền này được lập thành 07 bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản, 05 bản gửi các cơ quan có liên quan đến việc công bố thông tin.

Người được ủy quyền



Trần Thị Thu Trang

Người ủy quyền
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khắc Hải

CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

Số: 1201/2018/TC-AC

Tài sản thẩm định giá : Giá trị một cổ phần Công ty Cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng
Khách hàng yêu cầu : Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP
Địa chỉ liên hệ : Số 7, Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Mục đích thẩm định giá : Làm cơ sở cho các cổ đông tham khảo đánh giá Giá trị một cổ phần để chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Pháp luật
Thời điểm thẩm định giá : Ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP

- Hợp đồng dịch vụ số 0701/2018/HDTC-AC ngày 14 tháng 07 năm 2018 ký giữa Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP và Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán quốc tế (AC) về việc tư vấn thẩm định giá trị cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng;
- Căn cứ Hồ sơ xác định Giá trị một cổ phần số 1201/2018/TC-AC ngày 04/12/2018 của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế.

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế cung cấp Chứng thư thẩm định giá về việc xác định giá trị một cổ phần Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng với các nội dung sau đây:

1. Khách hàng thẩm định giá

Tên khách hàng: Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP

Địa chỉ trụ sở chính: Số 7, Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

2. Thông tin về tài sản thẩm định giá

Tên tài sản thẩm định: Giá trị một cổ phần Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng.

3. Thời điểm thẩm định giá

Ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. Mục đích thẩm định giá

Làm cơ sở cho các cổ đông tham khảo đánh giá Giá trị một cổ phần để chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Pháp luật.

5. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13, được Quốc hội thông qua ngày 20/06/2012 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật giá;
- Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Căn cứ Nghị định số 89/2013/ND-CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về Thẩm định giá;
- Căn cứ Nghị định số 177/2013/ND-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;
- Căn cứ Nghị định số 149/2016/ND-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/ND-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/ND-CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;
- Căn cứ Thông tư số 158/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính về việc Ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 01, 02, 03 và 04;
- Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BTC ngày 06/03/2015 của Bộ Tài chính về việc Ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05, 06, 07;
- Căn cứ Thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20/08/2015 của Bộ Tài chính về việc Ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 08, 09, 10;
- Căn cứ Thông tư số 145/2016/TT-BTC ngày 06/10/2016 của Bộ Tài chính về việc Ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 11;

- Căn cứ Thông tư số 122/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài chính về việc Ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12;
- Căn cứ Thông tư số 06/2014/TT-BTC ngày 07/01/2014 của Bộ Tài chính về việc Ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 13;

6. Cơ sở giá trị của tài sản thẩm định giá

Căn cứ vào mục đích thẩm định giá và đặc điểm của tài sản thẩm định giá, Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế chọn cơ sở giá trị thị trường để thẩm định giá:

"Giá trị thị trường là mức giá ước tính của tài sản tại thời điểm, địa điểm thẩm định giá, giữa một bên là người mua sẵn sàng mua và một bên là người bán sẵn sàng bán, trong một giao dịch khách quan, độc lập, có đủ thông tin, các bên tham gia hành động một cách có hiểu biết, thiện trọng và không bị ép buộc". (Tiêu chuẩn TDGVN 02).

7. Giá thiết trong quá trình thẩm định giá

Theo Hồ sơ thẩm định giá trị một cổ phần kèm theo.

8. Cách tiếp cận, phương pháp thẩm định giá

Căn cứ vào mục đích thẩm định giá, đặc điểm tài sản thẩm định giá và cơ sở giá trị đã chọn ở trên, Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế sử dụng kết hợp ba phương pháp: Phương pháp tài sản, phương pháp tỷ số bình quân và phương pháp chiết khấu dòng cổ tức để xác định giá trị một cổ phần Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng.

9. Kết quả thẩm định giá

Trên cơ sở các tài liệu do Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng cung cấp, qua khảo sát thực tế; Với phương pháp thẩm định giá áp dụng trong tính toán (tại mục 8), Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế thông báo kết quả xác định giá trị một cổ phần Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: **43.500 đồng/cổ phần**.
(Bằng chữ: Bốn mươi ba nghìn, năm trăm đồng một cổ phần).

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế trả lời để khách hàng có cơ sở tham khảo phục vụ mục đích thẩm định giá tại mục 4 theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

10. Những điều khoản loại trừ và hạn chế của kết quả thẩm định giá

Theo Hồ sơ thẩm định giá trị một cổ phần.

11. Thời hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định giá

Thời hạn sử dụng Chứng thư thẩm định giá là sáu (06) tháng tính từ ngày phát hành.

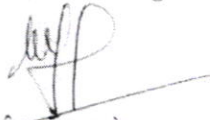
12. Các tài liệu kèm theo

Hồ sơ xác định giá trị một cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng;

Chứng thư thẩm định giá được phát hành bảy (07) bản chính bằng tiếng Việt tại Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế. Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế giữ một (01) bản, khách hàng thẩm định giá giữ sáu (06) bản có giá trị như nhau.

Mọi hình thức sao chép Chứng thư thẩm định giá không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế đều là hành vi vi phạm pháp luật.

Thẩm định viên về giá

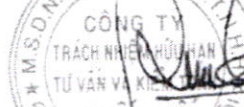


LÊ VĂN HÒA

(Số thẻ thẩm định viên về giá: XI16.1506)

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ
KIỂM TOÁN QUỐC TẾ**

Giám đốc



NGUYỄN BÁ AN

(Số thẻ thẩm định viên về giá: III06087)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHÉ TẠO HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHẾ TẠO HẢI PHÒNG

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHẾ TẠO HẢI PHÒNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Lê Hoàng Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Chung Hiếu	Thành viên
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên
Ông Bùi Hữu Dương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc
Ông Lê Hoàng Hà	Phó Giám đốc
Ông Bùi Hữu Thông	Phó Giám đốc
Ông Đào Kim Lợi	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHẾ TẠO HẢI PHÒNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Thanh Tùng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 11 tháng 3 năm 2019

Số: 22/2019/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11/3/2019, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

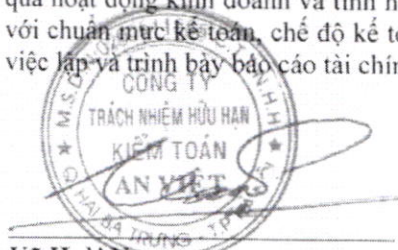
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vũ Hoài Nam****Phó Tổng Giám đốc**Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1436-2018-055-1**Thay mặt và đại diện****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thị Hoài Thu**Kiểm toán viên**Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2461-2018-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.904.765.556	21.868.456.132
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.311.311.762	4.063.740.754
1. Tiền	111	5	1.311.311.762	2.063.740.754
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	2.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.438.593.414	3.537.059.661
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.429.512.665	3.532.642.994
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.473.900	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		6.606.849	4.416.667
III. Hàng tồn kho	140		15.947.002.132	14.114.887.216
1. Hàng tồn kho	141	7	15.947.002.132	14.114.887.216
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		207.858.248	152.768.501
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		207.858.248	152.768.501
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.105.177.977	26.869.699.175
I. Tài sản cố định	220		23.731.520.098	25.925.229.125
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	23.731.520.098	25.925.229.125
- Nguyên giá	222		48.841.595.012	49.318.101.012
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.110.074.914)	(23.392.871.887)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	330.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	330.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		373.657.879	614.470.050
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	373.657.879	614.470.050
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		48.009.943.533	48.738.155.307

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

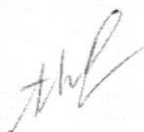
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.913.256.310	5.146.428.192
I. Nợ ngắn hạn	310		5.913.256.310	5.146.428.192
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	1.489.432.038	2.291.924.310
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	51.623.677	56.684.020
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	143.386.723	44.966.409
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	707.704.224	706.145.624
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	1.400.000.000	-
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.121.109.648	2.046.707.829
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.096.687.223	43.591.727.115
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	42.096.687.223	43.591.727.115
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	15a	10.376.260.000	10.376.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.376.260.000	10.376.260.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.255.153.549	4.255.153.549
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	15b	27.465.273.674	28.960.313.566
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.436.269.747	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.003.927	28.960.313.566
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		48.009.943.533	48.738.155.307

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 11 tháng 3 năm 2019

Giám đốc



Trần Thị Thúy Dung



Nguyễn Chung Hiếu



Lê Thanh Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2018

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2018 **Năm 2017**

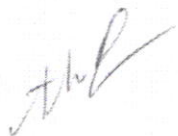
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	40.576.142.227	45.273.306.651
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	-	25.821.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	40.576.142.227	45.247.485.051
4. Giá vốn hàng bán	11	17	33.271.290.304	36.809.269.923
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.304.851.923	8.438.215.128
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	222.217.731	173.948.977
7. Chi phí tài chính	22	19	128.414.713	20.885.702
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		100.319.332	-
8. Chi phí bán hàng	25	20.1	1.887.939.802	1.856.300.992
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20.2	5.651.793.469	6.756.802.809
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(141.078.330)	(21.825.398)
11. Thu nhập khác	31	21	183.636.364	36.222.217.355
12. Chi phí khác	32	22	5.042.500	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		178.593.864	36.222.217.355
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		37.515.534	36.200.391.957
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	8.511.607	7.240.078.391
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		29.003.927	28.960.313.566
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	28	27.441

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 11 tháng 3 năm 2019

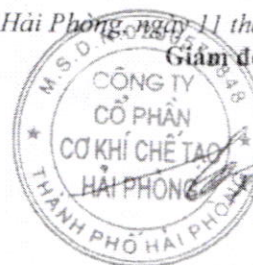
Giám đốc



Trần Thị Thúy Dung



Nguyễn Chung Hiếu



Lê Thanh Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2018

Mẫu số B03 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37.515.534	36.200.391.957
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9	2.609.931.027	2.647.777.921
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ"	04		12.305.476	660.330
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	18, 21	(325.965.001)	(36.384.352.185)
- Chi phí lãi vay	06	19	100.319.332	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.434.106.368	2.464.478.023
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		33.261.206	3.511.204.965
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.832.114.916)	(4.384.229.590)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(808.162.053)	(29.908.686.346)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		240.812.171	221.842.369
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	12	(8.242.587)	(7.261.084.992)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(412.016.000)	(583.241.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(352.355.811)	(35.939.716.571)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(86.222.000)	(1.167.296.420)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	21	183.636.364	36.436.363.637
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		140.138.455	157.718.163
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		237.552.819	35.426.785.380
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	14	1.400.000.000	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	15b	(1.037.626.000)	(1.037.626.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		362.374.000	(1.037.626.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		247.571.008	(1.550.557.191)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.063.740.754	5.614.297.945
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70		4.311.311.762	4.063.740.754

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2018.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 11 tháng 3 năm 2019

Giám đốc



Trần Thị Thúy Dung



Nguyễn Chung Hiếu



Lê Thanh Tùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng, trụ sở đặt tại Km 89, Quốc lộ 5 mới, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Nhà máy Cơ khí chế tạo Hải Phòng theo Quyết định số 188/2003/QĐ-BCN ngày 14/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000684 ngày 09/01/2004, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai số 0200575848 ngày 03/3/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ là 10.376.260.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất công nghiệp.**1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất mô tô xe máy;
- Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng.**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**
không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:** Công ty không có các đơn vị trực thuộc, công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang chi phí tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ và thu hồi nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2018 là 23.150 VND/USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác là khoản phải thu về lãi tiền gửi không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty được đánh giá theo tỷ lệ hoàn thành tương đương.

Giá thành sản phẩm nhập kho được xác định bằng tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng sản phẩm theo chi phí nhân công.

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm 2018 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 - 55
Máy móc, thiết bị	05 - 16
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	07

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng và tiền thuê đất trả trước phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng kể từ khi phát sinh

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đã trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả về kinh phí công đoàn; phải trả tiền ốm đau, thai sản cho người lao động và phải trả khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.10 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản vay của Công ty đều đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo và được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.11 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm tiền điện, tiền nước được ước tính theo thực tế phát sinh và chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng hợp đồng vay.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 11-18/ĐH ngày 31/3/2018.

4.13 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá, cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay và lỗ chênh lệch tỷ giá, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí vận chuyển, hoa hồng bán hàng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, chi phí khác...).

4.17 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.18 Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.19 Bên liên quan

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các cán bộ quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 15, 28.

5. TIỀN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	133.317.413	441.325.952
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.177.994.349	1.622.414.802
Cộng	1.311.311.762	2.063.740.754

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	3.429.512.665	3.532.642.994
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	3.324.446.654	2.097.689.770
Công ty Mecanimex	2.199.706.004	1.496.259.930
Công ty CP Đầu tư XD và TM Phú Điền	474.333.750	-
Công ty TNHH ARAI - Việt Nam	457.906.900	492.333.600
Công ty CP Phụ tùng máy số 1 (FUTUI)	192.500.000	109.096.240
Các khoản phải thu của khách hàng khác	105.066.011	1.434.953.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.025.216.665	-	10.923.999.007	-
Công cụ, dụng cụ	963.482.776	-	881.920.542	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.032.154.344	-	1.706.739.959	-
Thành phẩm	3.471.600.652	-	158.738.078	-
Hàng hóa	454.547.695	-	443.489.630	-
	-	-	-	-
Cộng	15.947.002.132	-	14.114.887.216	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dài hạn	373.657.879	614.470.050
Tiền cước điện thoại	-	12.923.077
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.892.879	97.321.973
Tiền thuê đất	369.765.000	504.225.000

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị vận tải, thiết bị truyền dẫn	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2018	22.991.737.829	23.220.923.598	1.563.945.864	1.541.493.721	49.318.101.012
Tăng trong năm	-	416.222.000	-	-	416.222.000
Mua sắm	-	416.222.000	-	-	416.222.000
Giảm trong năm	-	892.728.000	-	-	892.728.000
Thanh lý, nhượng bán	-	892.728.000	-	-	892.728.000
Số dư tại 31/12/2018	22.991.737.829	22.744.417.598	1.563.945.864	1.541.493.721	48.841.595.012
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2018	1.617.251.487	20.011.166.402	1.553.416.167	211.037.831	23.392.871.887
Tăng trong năm	1.712.601.069	666.586.872	10.529.697	220.213.389	2.609.931.027
Khấu hao trong năm	1.712.601.069	666.586.872	10.529.697	220.213.389	2.609.931.027
Giảm trong năm	-	892.728.000	-	-	892.728.000
Thanh lý, nhượng bán	-	892.728.000	-	-	892.728.000
Số dư tại 31/12/2018	3.329.852.556	19.785.025.274	1.563.945.864	431.251.220	25.110.074.914
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2018	21.374.486.342	3.209.757.196	10.529.697	1.330.455.890	25.925.229.125
Số dư tại 31/12/2018	19.661.885.273	2.959.392.324	-	1.110.242.501	23.731.520.098

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 16.818.472.410 VND (tại ngày 31/12/2017 là 16.391.004.043 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	1.489.432.038	2.291.924.310
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	976.994.352	1.581.140.424
Công ty Cổ phần Nhóm Việt Dũng	294.557.070	428.058.340
Công ty TNHH Đức Hoàng	-	363.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Duyên Hải	48.399.902	257.067.294
Công ty TNHH Thương mại Viên Khanh	260.462.180	533.014.790
Công ty CP Dụng cụ số 1	373.575.200	-
Phải trả cho các đối tượng khác	512.437.686	710.783.886

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	143.386.723	44.966.409
Trích trước chi phí điện, nước	43.067.391	44.966.409
Lãi vay phải trả	100.319.332	-

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	(152.768.501)	704.899.481	759.989.228	(207.858.248)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	409.904	409.904	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.326.656	8.511.607	8.242.587	2.595.676
Thuế thu nhập cá nhân	54.357.364	146.359.465	151.688.828	49.028.001
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.033.786	4.033.786	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	(96.084.481)	867.214.243	927.364.333	(156.234.571)
<i>Trong đó:</i>				
Phải nộp	56.684.020			51.623.677
Phải thu	152.768.501			207.858.248

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	707.704.224	706.145.624
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Phú Điền	115.596.000	115.596.000
Các đối tượng khác	592.108.224	590.549.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	1.400.000.000	-
Các khoản vay	1.400.000.000	-

Chi tiết các khoản vay:

	01/01/2018		Phát sinh trong năm		31/12/2018	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000
Các cá nhân	-	-	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000

Các khoản vay ngắn hạn cá nhân bằng VND, lãi suất thỏa thuận từng hợp đồng. Mục đích vay để phục vụ sản xuất kinh doanh.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	10.376.260.000	4.255.153.549	1.450.527.343	16.081.940.892
Tăng trong năm trước	-	-	28.960.313.566	28.960.313.566
Lãi trong năm	-	-	28.960.313.566	28.960.313.566
Giảm trong năm trước	-	-	1.450.527.343	1.450.527.343
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.450.527.343	1.450.527.343
Số đầu năm nay	10.376.260.000	4.255.153.549	28.960.313.566	43.591.727.115
Tăng trong năm nay	-	-	29.003.927	29.003.927
Lãi trong năm	-	-	29.003.927	29.003.927
Giảm trong năm nay	-	-	1.524.043.819	1.524.043.819
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.524.043.819	1.524.043.819
Số cuối năm nay	10.376.260.000	4.255.153.549	27.465.273.674	42.096.687.223

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VNĐ

	31/12/2018		01/01/2018	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Vốn góp của Nhà nước	1.037.690.000	1.037.690.000	1.037.690.000	1.037.690.000
Ông Lê Thanh Tùng	1.317.850.000	1.317.850.000	1.317.850.000	1.317.850.000
Ông Lê Hoàng Hà	463.080.000	463.080.000	463.080.000	463.080.000
Bà Nguyễn Chung Hiếu	556.690.000	556.690.000	556.690.000	556.690.000
Ông Vũ Đức Trung	23.940.000	23.940.000	23.940.000	23.940.000
Ông Bùi Hữu Thông	651.500.000	651.500.000	651.500.000	651.500.000
Ông Đào Kim Lợi	535.830.000	535.830.000	535.830.000	535.830.000
Ông Bùi Hữu Dương	244.090.000	244.090.000	244.090.000	244.090.000
Các cổ đông khác	5.545.590.000	5.545.590.000	5.545.590.000	5.545.590.000
Cộng	10.376.260.000	10.376.260.000	10.376.260.000	10.376.260.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tại ngày 01/01	10.376.260.000	10.376.260.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	10.376.260.000	10.376.260.000
b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số đầu năm	28.960.313.566	1.450.527.343
Tăng trong năm	29.003.927	28.960.313.566
Lợi nhuận trong năm	29.003.927	28.960.313.566
Giảm trong năm	1.524.043.819	1.450.527.343
Phân phối lợi nhuận năm trước	1.524.043.819	1.450.527.343
Chia cổ tức bằng tiền	1.037.626.000	1.037.626.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	486.417.819	412.901.343
Số cuối năm	27.465.273.674	28.960.313.566
c. Cổ phiếu	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.037.626	1.037.626
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.037.626	1.037.626
Cổ phiếu phổ thông	1.037.626	1.037.626
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.037.626	1.037.626
Cổ phiếu phổ thông	1.037.626	1.037.626
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

16. DOANH THU

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.576.142.227	45.273.306.651
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	40.576.142.227	45.273.306.651
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	25.821.600
Hàng bán bị trả lại	-	25.821.600
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.576.142.227	45.247.485.051

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	33.271.290.304	36.809.269.923
Cộng	33.271.290.304	36.809.269.923

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	142.328.637	162.134.830
Lãi chênh lệch tỷ giá	79.889.094	11.814.147
Cộng	222.217.731	173.948.977

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	28.095.381	20.885.702
Lãi tiền vay	100.319.332	-
Cộng	128.414.713	20.885.702

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
20.1 Chi phí bán hàng	1.887.939.802	1.856.300.992
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	174.460.249	865.200.000
<i>Chi phí hoa hồng, môi giới</i>	<i>174.460.249</i>	<i>865.200.000</i>
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.713.479.553	991.100.992
20.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.651.793.469	6.756.802.809
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	4.452.138.233	5.345.399.331
<i>Chi phí nhân viên quản lý</i>	<i>3.369.099.766</i>	<i>4.331.478.672</i>
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	<i>1.083.038.467</i>	<i>1.013.920.659</i>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.199.655.236	1.411.403.478

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản	183.636.364	36.436.363.637
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	(214.146.282)
Cộng	183.636.364	36.222.217.355

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản bị phạt	2.100.000	-
Thuế giá trị gia tăng không được hoàn	2.942.500	-
Cộng	5.042.500	-

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.167.071.807	18.289.455.679
Chi phí nhân công	12.559.413.545	15.347.330.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.609.931.027	2.647.777.921
Chi phí khác	6.859.038.663	7.231.451.688
Cộng	47.195.455.042	43.516.015.784

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	37.515.534	36.200.391.957
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	5.042.500	-
Chi phí không được trừ	5.042.500	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	42.558.034	36.200.391.957
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (6)=(4)*(5)	8.511.607	7.240.078.391

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	29.003.927	28.960.313.566
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	486.417.819
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2a)-(2b)	29.003.927	28.473.895.747
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	1.037.626	1.037.626
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	28	27.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2017 là điều chỉnh do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 11-18/ĐH ngày 31/3/2018.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

26. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2018 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNHCác loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.18.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2018 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2018 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.311.311.762	4.063.740.754
Phải thu của khách hàng	3.429.512.665	3.532.642.994
Phải thu khác	6.606.849	4.416.667
Cộng	7.747.431.276	7.600.800.415
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	1.489.432.038	2.291.924.310
Chi phí phải trả	143.386.723	44.966.409
Phải trả khác	115.596.000	115.596.000
Vay và nợ thuê tài chính	1.400.000.000	-
Cộng	3.148.414.761	2.452.486.719

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

- Rủi ro thị trường**

- Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì các giao dịch bán hàng lớn đều bằng USD.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản tài chính	2.199.706.004	1.496.259.930
Phải thu khách hàng	2.199.706.004	1.496.259.930
Nợ tài chính	-	-
(Nợ)/Tài sản tài chính thuần	2.199.706.004	1.496.259.930
Cộng: cam kết mua ngoại tệ	-	-
Trừ: mua bán ngoại tệ kỳ hạn	-	-
Mức độ rủi ro tiền tệ	2.199.706.004	1.496.259.930

- Rủi ro lãi suất*

Công ty không chịu rủi ro lãi suất vì các hợp đồng vay của công ty có lãi suất cố định.

- Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và phải thu của khách hàng.

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty. Công ty không có tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá.

- Rủi ro thanh khoản**

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 01 năm VND	Trên 01 năm VND
Tại 31/12/2018		
Phải trả người bán	1.489.432.038	-
Chi phí phải trả	143.386.723	-
Phải trả khác	115.596.000	-
Vay và nợ thuê tài chính	1.400.000.000	-
Cộng	3.148.414.761	-
Tại 01/01/2018		
Phải trả người bán	2.291.924.310	-
Chi phí phải trả	44.966.409	-
Phải trả khác	115.596.000	-
Cộng	2.452.486.719	-

- Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc, Chủ tịch HĐQT		
Chia cổ tức		133.051.000	133.051.000
Trả cổ tức		133.051.000	133.051.000
Ông Lê Hoàng Hà	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT		
Chia cổ tức		46.308.000	46.308.000
Trả cổ tức		46.308.000	46.308.000
Vay		500.000.000	-
Bà Nguyễn Chung Hiếu	Thành viên HĐQT		
Chia cổ tức		60.202.000	60.202.000
Trả cổ tức		60.202.000	60.202.000
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên HĐQT		
Chia cổ tức		2.394.000	2.394.000
Trả cổ tức		2.394.000	2.394.000
Ông Bùi Hữu Thông	Phó Giám đốc		
Chia cổ tức		65.150.000	65.150.000
Trả cổ tức		65.150.000	65.150.000
Vay		400.000.000	-
Ông Đào Kim Lợi	Phó Giám đốc		
Chia cổ tức		53.583.000	53.583.000
Trả cổ tức		53.583.000	53.583.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Ông Bùi Hữu Dương	Thành viên HĐQT		
Chia cổ tức		24.409.000	24.409.000
Trả cổ tức		24.409.000	24.409.000
Lương Ban Giám đốc		Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lương Ban Giám đốc.Trong đó:		1.498.707.600	1.497.826.500
Lương Giám đốc		321.382.100	332.316.000

29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty chỉ có duy nhất lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và bán các sản phẩm cấu kiện kim loại và chỉ có một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận khu vực địa lý.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 11 tháng 3 năm 2019

Giám đốc



Trần Thị Thúy Dung



Nguyễn Chung Hiếu



Lê Thanh Tùng